TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 345/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1106/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1970, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 233/9 đường X, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa chỉ liên lạc: 24/13 đường T, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hải P, sinh năm 1966, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Cộng hòa Séc.

Địa chỉ liên lạc: Slovakia.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 07/12/2017 và Bản tự khai ngày 06/02/2018, nguyên đơn là bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Phạm Hải P kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 04/12/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 3746, quyển số 15, ngày 11/12/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau một thời gian chung sống, bà nhận thấy

quan điểm của bà và ông P không hợp nhau, giữa bà và ông P thường hay phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp. Bà và ông P đã nhiều lần hàn gắn nhưng cũng không có kết quả tốt hơn. Bà và ông P không còn chung sống với nhau nữa. Do vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hải P.

Về con chung: Bà và ông Phạm Hải P có 01 con chung tên là Phạm Lê Triệu K, sinh ngày 11/07/2008, giới tính: Nam, hiện đang sống với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 06/02/2018, đã được Đại sứ quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Xlô-va-kia chứng nhận chữ ký ngày 06/02/2018, bị đơn là ông Phạm Hải P trình bày:

Ông và bà Lê Thị Kim L tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 3746 ngày 11/12/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, ông và bà L thường xảy ra tranh cãi, không thống nhất với nhau quan điểm chung, nhiều lần không tự hòa giải được. Ông đã biết việc bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Kim L có 01 con chung tên là Phạm Lê Triệu K, sinh ngày 11/07/2008, giới tính: Nam. Ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và nếu bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì ông sẽ đồng ý chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 07/12/2017, bà Lê Thị Kim L có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Phạm Hải P. Do ông P đang cư trú tại nước ngoài, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Kim L có yêu cầu xin được vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, đồng thời bị đơn là ông Phạm Hải P cũng yêu cầu được vắng mặt tại toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án theo Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 06/02/2018, đã được Đại sứ quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Xlô-va-kia chứng nhận chữ ký ngày 06/02/2018, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 06/02/2018 của bà L và Đơn xin không hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 06/02/2018 của ông P, đã được Đại sứ quán Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa Xlô-va-kia chứng nhận chữ ký ngày 06/02/2018, hai bên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà L và ông P đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P có 01 con chung tên là Phạm Lê Triệu K, sinh ngày 11/07/2008, giới tính: Nam, hiện đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông P đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và nếu bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì ông P sẽ đồng ý chấp nhận. Do trẻ Phạm Lê Triệu K có Bản tự khai ngày 05/02/2018 trình bày ý kiến trẻ sẽ sống với mẹ là bà Lê Thị Kim L nếu ba mẹ của trẻ ly hôn nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, giao con chung tên là Phạm Lê Triệu K, sinh ngày 11/07/2008, giới tính: Nam cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông P do bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Kim L là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Kim L như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 04/12/2006, vào sổ đăng ký kết hôn số 3746, quyển số 15, ngày 11/12/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Phạm Lê Triệu K, sinh ngày 11/07/2008, giới tính: Nam cho bà Lê Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Phạm Hải P do bà Lê Thị Kim L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim L và ông Phạm Hải P đều khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0048401, ngày 14/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Đối với bà Lê Thị Kim L vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Lê Thị Kim L là 15 ngày, kể từ ngày bà Lê Thị Kim L nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Phạm Hải P vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Phạm Hải P có ủy quyền cho ông Lê Hữu Danh, sinh năm 1983 được thay mặt ông Phạm Hải P nhận bản án, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Phạm Hải P là 01 tháng kể từ ngày ông Lê Hữu Danh nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh